

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Số: 29

Ngày 27/7/2020

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN MỚI

- Một số nội dung sửa đổi mới của Luật ban hành văn bản 2020.
- Quy định mới về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại.
- Hạn chế giao dịch trong phạm vi 100 nhà đầu tư đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành tại thị trường trong nước.
- Quy định mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình.
- Từ 01/9/2020 áp dụng mức học bổng mới cho học sinh, sinh viên.
- Các quy định về mã định danh điện tử phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.
- Thi sát hạch cấp chứng chỉ kiến trúc sư phải đạt tổng số điểm từ 70 điểm trở lên.
- Tuổi của tàu ngầm, tàu lặn của nước ngoài đã qua sử dụng khi đăng ký tại Việt Nam không quá 10 năm.
- Bảo vệ vị trí công tác của người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Các trường hợp nào được khoan nợ tiền thuế, hủy xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp?
- Những đối tượng nào được xử lý nợ?
- Hồ sơ hủy khoan nợ tiền thuế, hủy xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân gồm những gì?
- Hồ sơ hủy khoan nợ tiền thuế, hủy xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế đã được khoan nợ, xóa nợ mà quay lại sản xuất, kinh doanh gồm những gì?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. MỘT SỐ NỘI DUNG SỬA ĐỔI MỚI CỦA LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN NĂM 2020

Ngày 18/6/2020, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 tại kỳ họp thứ 9, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

Trong đó, văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành và phải được đăng Công báo, niêm yết theo quy định. Khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan ban hành văn bản phải đồng thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản mới đó; trường hợp chưa thể sửa đổi, bổ sung ngay thì phải xác định rõ trong văn bản mới danh mục văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành trái với quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới và có trách

nhiệm sửa đổi, bổ sung trước khi văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực. Trường hợp văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật do mình đã ban hành có quy định khác với văn bản mới nhưng cần tiếp tục được áp dụng thì phải được chỉ rõ trong văn bản mới đó.

Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng cơ quan ban hành trong các trường hợp sau đây: Để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ có liên quan chặt chẽ với nhau để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với văn bản mới được ban hành; để thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được phê duyệt.

Bên cạnh đó, việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện như sau: cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo; cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo văn bản. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến không quá 20 ngày; trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án, dự thảo, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm tra có trách nhiệm thẩm tra dự thảo văn bản. Văn bản quy phạm

pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; đăng Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ngoài ra, Luật cũng nêu rõ Hội đồng nhân dân cấp huyện ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc để thực hiện việc phân cấp cho chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước cấp dưới theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương. Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao.

2. QUY ĐỊNH MỚI VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI

Ngày 08/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam

nhằm mục đích phát triển kinh tế xã hội, hỗ trợ nhân đạo không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

Về nguyên tắc, việc quản lý và sử dụng viện trợ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam; các khoản viện trợ chỉ được tiếp nhận, thực hiện, sử dụng khi đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt; nguồn tiền viện trợ phải là nguồn tiền, tài sản hợp pháp; không tiếp nhận những hàng hóa (kể cả vật tư, thiết bị) thuộc danh mục các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật. Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm toàn diện trong quản lý và sử dụng hiệu quả khoản viện trợ. Các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước phải được dự toán, hạch toán, quyết toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ được phép tự quản lý và chịu trách nhiệm về mục đích, kết quả sử dụng viện trợ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết với các nhà tài trợ. Chủ khoản viện trợ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung. Sau 06 tháng kể từ ngày khoản viện trợ được phê duyệt, trường hợp khoản viện trợ vẫn chưa triển khai mà không có lý do chính đáng, cấp có thẩm quyền phê duyệt được thu hồi quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ đã ban hành. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm thông báo cho bên cung cấp viện trợ về việc thu hồi quyết định phê duyệt khoản viện trợ.

Nghị định quy định rõ những hành vi bị nghiêm cấm trong sử dụng viện trợ gồm: Sử dụng viện trợ để phục vụ mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, trốn thuế, xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc; sử dụng viện trợ để tìm kiếm lợi nhuận phân chia, tư lợi cá nhân, không vì mục đích nhân đạo, phát triển kinh tế xã hội, không vì lợi ích cộng đồng; các hành vi tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng viện trợ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17/9/2020.

3. HẠN CHẾ GIAO DỊCH TRONG PHẠM VI 100 NHÀ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Ngày 09/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Theo đó, đối với giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành tại thị trường trong nước bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật; sau thời gian nêu trên, trái phiếu doanh nghiệp được giao dịch không hạn chế về số lượng nhà đầu tư, trừ trường hợp doanh nghiệp phát hành có quyết định khác. Trái

phiếu doanh nghiệp phát hành ra thị trường quốc tế thực hiện theo quy định về giao dịch tại thị trường phát hành.

Đối với trái phiếu không chuyển đổi hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền, doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; có thời gian hoạt động tối thiểu từ 01 năm kể từ ngày được cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện; đảm bảo tuân thủ giới hạn về số lượng nhà đầu tư khi phát hành trái phiếu và có phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật; đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động và đảm bảo dư nợ trái phiếu doanh nghiệp phát hành đơn lẻ tại thời điểm phát hành không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý gần nhất tại thời điểm phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt...

Hồ sơ phát hành trái phiếu gồm: Phương án phát hành trái phiếu, bản công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu (theo mẫu), báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán, kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu và loại trái phiếu phát hành (nếu có), hợp đồng mua bán trái phiếu trong đó báo gồm

cam kết của nhà đầu tư về việc đã tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin trước khi phát hành và hiểu rõ các rủi ro mua trái phiếu...

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về chế độ công bố thông tin đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu.

4. QUY ĐỊNH MỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BỔ TRỢ TƯ PHÁP; HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP; HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Ngày 15/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính áp dụng đối với các đối tượng là cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Hình thức xử phạt gồm hình thức xử phạt chính (cảnh cáo, phạt tiền, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn); hình thức xử phạt bổ sung (tước quyền sử dụng giấy phép, đình chỉ có thời hạn, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính) và biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra.

Mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức, cá nhân vi phạm trong lĩnh vực hành chính, tư pháp, hôn nhân và gia đình là 30 triệu đồng; trong lĩnh vực thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã là 40 triệu đồng; trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp là 50 triệu đồng.

Mức phạt tiền cụ thể đối với một số hành vi vi phạm hành chính như sau: Phạt tiền từ 1 triệu đến 3 triệu đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa

chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký khai sinh; tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký kết hôn; tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký khai tử. Phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với hành vi cam đoan, làm chứng sai sự thật về việc sinh con; cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về nội dung khai sinh; sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục đăng ký khai sinh; cho người khác sử dụng giấy tờ của mình để làm thủ tục đăng ký kết hôn hoặc sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục đăng ký kết hôn; sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác; chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà kết hôn với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc có vợ; đang có vợ, có chồng mà chung sống như vợ, chồng với người khác; đe dọa, cưỡng ép, cản trở việc nhận cha, mẹ, con; kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi. Phạt tiền từ 7 triệu đồng đến 10 triệu đồng đối với hành vi sử dụng giấy tờ của người khác để yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp trái pháp luật. Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng đối với hành vi lợi dụng việc phổ biến giáo dục pháp luật để xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, xâm phạm

lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với hành vi làm thủ tục đăng ký khai tử cho người đang sống; không làm thủ tục đăng ký khai tử cho người đã chết để trục lợi; hủy hoại giấy tờ hộ tịch, sổ hộ tịch. Phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với hành vi làm giả các loại chứng chỉ, thẻ, giấy đăng ký, giấy phép; làm giả giấy tờ, văn bản để yêu cầu công chứng, chứng thực...

5. TỪ 01/9/2020 ÁP DỤNG MỨC HỌC BỔNG MỚI CHO HỌC SINH, SINH VIÊN

Ngày 17/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 84/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục, có hiệu lực từ ngày 01/9/2020, quy định cụ thể về học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách như sau:

Học sinh khối trung học phổ thông chuyên trong cơ sở giáo dục đại học, học sinh trường chuyên có hạnh kiểm tốt, học lực giỏi trong kỳ xét, cấp học bổng có điểm môn chuyên của học kỳ xét cấp từ 8,5 trở lên hoặc đạt một trong các giải từ khuyến khích trở lên trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế của năm đó... được hưởng mức học bổng như sau: Đối với trường chuyên, trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao, được hưởng mức học bổng cấp cho 01 học sinh một tháng tối thiểu bằng 03 lần mức học phí hiện hành của trường trung học phổ thông chuyên tại địa phương. Đối với khối trung học phổ thông chuyên trong cơ sở giáo dục đại học, được hưởng mức học bổng

cấp cho 01 học sinh do hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học quy định nhưng không thấp hơn mức trần học phí mà học sinh đó phải đóng tại trường. Đối với những trường không thu học phí thì mức học bổng tối thiểu bằng 03 lần mức trần học phí của trường trung học phổ thông tại địa phương. Đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú... được hưởng mức học bổng bằng 80% mức lương cơ sở/tháng. Đối với học viên là thương binh thuộc hộ nghèo học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật, mức học bổng bằng 100% mức lương cơ sở/tháng.

6. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÃ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Để thúc đẩy xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng và phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tại các bộ, ngành, địa phương, ngày 22/7/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2020.

Theo đó, hệ thống thông tin quản lý Danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam là hệ thống thu thập, lưu trữ, quản lý, chia sẻ dữ liệu về các danh mục, bảng mã phân loại, mã định danh điện tử dùng chung do các cơ quan, tổ chức ban hành; phục vụ việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương.

Theo đó, mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức là chuỗi ký tự để phân biệt, xác định duy nhất các cơ quan, tổ chức khi kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương. Cụ thể, mã định danh điện tử của các bộ, ngành, địa phương là chuỗi ký tự có độ dài tối đa là 35 ký tự được chia thành các nhóm ký tự, gồm: dấu chấm (.), các chữ số từ 0 đến 9 và các chữ cái từ A đến Z (dạng viết hoa trong bảng chữ cái tiếng Anh). Mỗi nhóm ký tự được sử dụng để xác định các cơ quan, tổ chức tại cấp tương ứng; các nhóm ký tự được phát triển từ trái qua phải và được phân tách với nhau bằng dấu chấm. Đối với mã định danh điện tử của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là chuỗi ký tự biểu diễn tương ứng mã số doanh nghiệp, mã số hợp tác xã, mã số hộ kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành về mã số doanh nghiệp, mã số hợp tác xã và mã số hộ kinh doanh. Các nhóm đối tượng nêu trên khi kết nối, liên thông chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương phải xây dựng lược đồ định danh cho nhóm cơ quan, tổ chức mình bao gồm các thành phần theo quy định và gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, công bố, bảo đảm mã xác định lược đồ định danh không trùng lặp. Lược đồ định danh đã được xây dựng, công bố có thể được sửa đổi, tuy nhiên không được sửa đổi mã xác định lược đồ định danh, cơ quan, tổ chức phát hành và cấu trúc mã xác định cơ quan, tổ chức trong lược đồ định danh. Nếu phải thay đổi các thông tin này thì xây dựng lược đồ định danh mới.

Trong vòng 24 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, các bộ, ngành, địa phương thực hiện nâng cấp, chỉnh sửa các hệ thống thông tin để bảo đảm tuân thủ các quy định về mã định danh điện tử phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu. Các hệ thống thông tin chỉ thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ ngành không bắt buộc phải áp dụng các quy định về mã định danh điện tử.

7. THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ KIẾN TRÚC SƯ PHẢI ĐẠT TỔNG ĐIỂM 70 ĐIỂM TRỞ LÊN

Ngày 17/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 85/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc, có hiệu lực thi hành từ ngày 07/9/2020.

Theo đó, các kiến trúc sư được phát triển nghề nghiệp liên tục bằng việc tham gia các khóa tập huấn về chuyên môn, pháp luật; hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn; chương trình khảo sát, tham quan học tập về lĩnh vực kiến trúc và liên quan; viết sách, bài trên sách, báo, tạp chí chuyên ngành kiến trúc, viết chuyên đề tham luận hội nghị, hội thảo về kiến trúc; tham gia khóa học tập, nghiên cứu sau đại học về lĩnh vực kiến trúc; tham gia giảng dạy đại học, sau đại học và các khóa tập huấn chuyên môn về lĩnh vực kiến trúc; nghiên cứu, sáng chế khoa học trong lĩnh vực kiến trúc được công nhận; đạt giải thưởng kiến trúc quốc gia.

Kiến trúc sư hành nghề phải đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục hằng năm thông qua hình thức tích lũy tối thiểu là 04 điểm phát triển nghề nghiệp liên tục. Các

kiến trúc sư hành nghề trên 60 tuổi phải đạt tối thiểu là 02 điểm phát triển nghề nghiệp liên tục một năm. Cá nhân đạt vượt mức yêu cầu thì được chuyển kết quả phát triển nghề nghiệp liên tục sang năm kế tiếp. Cá nhân chưa đạt mức yêu cầu thì phải hoàn thành phần kết quả phát triển nghề nghiệp liên tục còn thiếu trong năm kế tiếp (bảng phương pháp tính điểm phát triển nghề nghiệp liên tục do Hội kiến trúc sư xây dựng và ban hành).

Về việc sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề của kiến trúc sư, cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc lần đầu, thực hiện sát hạch theo hình thức thi trắc nghiệm và vấn đáp. Việc sát hạch vấn đáp được thực hiện ngay sau khi có thông báo kết quả sát hạch trắc nghiệm, trong đó cá nhân sát hạch phải gấp thăm và trả lời tối đa 04 câu hỏi, mỗi câu hỏi về nội dung kiến thức và sự hiểu biết áp dụng trong hoạt động hành nghề kiến trúc phù hợp với nội dung Bộ câu hỏi sát hạch quy định. Cá nhân đề nghị cấp lại, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc thực hiện sát hạch theo hình thức thi trắc nghiệm.

Cá nhân đạt kết quả sát hạch phải có tổng số điểm từ 70 điểm trở lên, trong đó điểm sát hạch về kiến thức pháp luật phải đạt tối thiểu là 16 điểm; các phần còn lại phải đạt tối thiểu 50% số điểm theo quy định. Việc tổ chức sát hạch theo định kỳ 06 tháng một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu thực tế tại các địa điểm tổ chức sát hạch đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp không tổ chức sát hạch được thì phải thông báo 01 lần tới cá nhân đăng ký sát hạch bằng

văn bản trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ khai đăng ký. Cơ quan tổ chức sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc có trách nhiệm thông báo kết quả sát hạch cho các cá nhân tham dự sát hạch sau 15 ngày, kể từ ngày sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc; cấp giấy chứng nhận kết quả sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc cho cá nhân đạt yêu cầu sát hạch. Thời hạn có hiệu lực của kết quả sát hạch có giá trị tối đa 12 tháng kể từ ngày cấp giấy chứng nhận kết quả sát hạch. Trường hợp mất giấy chứng nhận kết quả sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc thì phải làm đơn đề nghị và được xét cấp lại.

8. TUỔI CỦA TÀU NGÀM, TÀU LẶN CỦA NƯỚC NGOÀI ĐÃ QUA SỬ DỤNG KHI ĐĂNG KÝ TẠI VIỆT NAM KHÔNG QUÁ 10 NĂM

Ngày 23/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị định 86/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.

Theo đó, tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng khi đăng ký tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau: Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: không quá 10 năm; các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: không quá 15 năm; trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi.

Tàu biển xóa đăng ký trong sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam để đăng ký phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB, có thể được đăng ký lại vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam với hình thức đăng ký tàu biển không thời hạn hoặc đăng ký tàu biển loại nhỏ, nếu tuổi của phương tiện phù hợp với các quy định. Thời hạn đăng ký của tàu biển được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký tàu biển tương ứng với thời hạn của hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần hoặc theo đề nghị của chủ tàu. Trường hợp tàu biển có Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký thì thời hạn đăng ký của tàu biển không được dài hơn thời hạn ghi trong Giấy tạm ngừng đăng ký.

Hồ sơ đăng ký tàu biển không thời hạn, bao gồm: Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB (bản chính) đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới (bản chính); hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu

đối với tàu biển (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài); giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2020.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

9. BẢO VỆ VỊ TRÍ CÔNG TÁC CỦA NGƯỜI TỔ CÁO LÀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Nhằm bảo vệ vị trí công tác của người tổ cáo là cán bộ, công chức, viên chức, ngày 21/7/2020, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 03/2020/TT-BNV quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện

pháp bảo vệ vị trí công tác của người tổ cáo là cán bộ, công chức, viên chức; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/6/2020.

Thông tư quy định rõ việc bảo vệ vị trí công tác của người tổ cáo là cán bộ, công chức, viên chức là việc bảo vệ công việc gắn với chức danh, chức vụ, vị trí việc làm của cán bộ,

công chức; công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý của viên chức trong quá trình giải quyết tố cáo. Đặc biệt, không xử lý kỷ luật người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian được bảo vệ, trừ trường hợp người đó có hành vi vi phạm không liên quan đến lĩnh vực tố cáo. Bên cạnh đó, không thực hiện việc điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí việc làm, phân công công việc khác đối với người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian được bảo vệ trừ các trường hợp: Thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Chương V Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; được sự đồng ý của người tố cáo; theo yêu

cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Đồng thời, sử dụng biện pháp bảo vệ vị trí công tác của người tố thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Tố cáo, bao gồm: Tạm đình chỉ, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định xử lý kỷ luật hoặc quyết định khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo vệ; khôi phục vị trí công tác, vị trí việc làm, các khoản thu nhập và lợi ích hợp pháp khác từ việc làm cho người được bảo vệ; xem xét bố trí công tác khác cho người được bảo vệ nếu có sự đồng ý của họ để tránh bị trù dập, phân biệt đối xử; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với người có hành vi trả thù, trù dập, đe dọa làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo vệ.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU NGHỊ ĐỊNH SỐ 110/2017/NĐ-CP NGÀY 01/9/2017 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC

Hiện nay, việc quản lý công chức, viên chức đang được chuyển dần sang quản lý theo vị trí việc làm nên việc sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng công chức, viên chức cần được sửa đổi cho phù hợp thực tiễn; việc đào tạo, bồi dưỡng các cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị-xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện không giao cho Chính phủ quy định, hướng dẫn nên đối tượng này gặp nhiều khó khăn do chưa có các quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của

Đảng... Vì vậy, để tạo điều kiện cho công tác đào tạo, bồi dưỡng được triển khai thống nhất, đồng bộ, Bộ Nội vụ phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Theo đó, để thống nhất, đồng bộ với các quy định về đối tượng công chức nêu tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019, dự thảo đã điều chỉnh đối tượng được cử đi đào tạo, bồi dưỡng gồm: Cán bộ trong các cơ quan nhà

nước; công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; cấp tỉnh, cấp huyện, công chức cấp xã; viên chức và bổ sung thêm một số đối tượng khác được áp dụng khi có sự thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Nhằm đáp ứng đòi hỏi thực tiễn về ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, quản lý, điều hành cũng như vận hành Chính phủ điện tử, dự thảo còn được bổ sung nội dung giảng dạy, bồi dưỡng về “Công nghệ thông tin”. Bên cạnh đó, việc sử dụng chứng còn được bổ sung quy định chứng chỉ bồi dưỡng ngạch công chức chuyên ngành là một trong những điều kiện để công chức được đăng ký dự thi, xét nâng ngạch, bổ nhiệm ngạch tương ứng; quy định việc hoàn thành chương trình và cấp chứng chỉ đối với những trường hợp được tiếp nhận vào làm

công chức hoặc chuyển từ cán bộ, công chức sang làm viên chức; Bộ Nội vụ sẽ quy định việc sử dụng bằng tốt nghiệp đại học ngành quản lý nhà nước, thạc sĩ quản lý hành chính công, tiến sĩ quản lý hành chính công theo tiêu chuẩn công chức chuyên ngành hành chính. Đồng thời, để phù hợp với việc quản lý công chức, viên chức được chuyển dần sang quản lý theo vị trí việc làm, dự thảo đã bỏ quy định “Chứng chỉ chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức là điều kiện được học các chương trình bồi dưỡng cao hơn liền kề”.

Đến nay, bản dự thảo đã được gửi văn bản tới các bộ, ngành, địa phương có liên quan và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ để lấy ý kiến nhân dân hoàn thiện dự thảo trong quý III/2020 trước khi trình Chính phủ ban hành.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Các trường hợp nào được khoan nợ tiền thuế, hủy xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp?

Trả lời: Theo Điều 18, Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội đã nêu rõ người nộp thuế đã được khoan nợ, xóa nợ nhưng cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý thuế phát hiện việc khoan nợ, xóa nợ không đúng; người nộp thuế đã được khoan nợ, xóa nợ mà quay lại sản xuất, kinh doanh (trừ đối tượng được xóa theo quy định);

cá nhân, cá nhân kinh doanh hoặc người đại diện hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu của người nộp thuế đã được khoan nợ, xóa nợ thành lập doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh mới (trừ đối tượng được xóa theo quy định).

2. Hỏi: Những đối tượng nào được xử lý nợ?

Trả lời: Theo Điều 4, Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền

chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước có quy định những đối tượng được xử lý nợ là người nộp thuế nợ tiền thuế, nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp và thuộc một trong các trường hợp dưới đây, phát sinh trước ngày 01/7/2020 mà không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước: Người nộp thuế là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người nộp thuế có quyết định giải thể gửi cơ quan quản lý thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh để làm thủ tục giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thông báo người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhưng người nộp thuế chưa hoàn thành thủ tục giải thể; người nộp thuế đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hoặc đã bị người có quyền, nghĩa vụ liên quan nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản; người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người nộp thuế có trụ sở hoặc địa chỉ liên lạc để kiểm tra, xác minh thông tin người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh, địa chỉ liên lạc đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế; người nộp thuế đã bị cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận

đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hành nghề theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế; người nộp thuế bị thiệt hại vật chất do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; người nộp thuế cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán trực tiếp bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm cả nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng ký với chủ đầu tư và được chủ đầu tư trực tiếp thanh toán nhưng chưa được thanh toán.

3. Hỏi: *Hồ sơ hủy khoanh nợ tiền thuế, hủy xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân gồm những gì?*

Trả lời: Theo khoản 3, Điều 19, Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội có nêu hồ sơ hủy khoanh nợ đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh hoặc người đại diện hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu của người nộp thuế đã được khoanh nợ, xóa nợ thành lập doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh mới gồm: Quyết định khoanh nợ hoặc Quyết định xóa nợ đã ban hành; Thông báo bằng văn bản của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và hoạt động, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề chứng minh về việc thành lập doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh mới của cá nhân, cá nhân kinh doanh hoặc người đại diện hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu của người nộp thuế đã được khoan nợ, xóa nợ.

4. Hỏi: *Hồ sơ hủy khoan nợ tiền thuế, hủy xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế đã được khoan nợ, xóa nợ mà quay lại sản xuất, kinh doanh gồm những gì?*

Trả lời: Theo khoản 2, Điều 19, Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội có nêu hồ sơ hủy khoan nợ tiền thuế, hủy xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế đã được khoan nợ, xóa nợ mà quay lại sản xuất, kinh doanh gồm có: Quyết định khoan nợ hoặc Quyết định xóa nợ đã ban hành; Thông báo bằng văn bản của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề hoặc biên bản xác nhận với chính quyền địa phương về việc người nộp thuế đã được khoan nợ, xóa nợ quay lại sản xuất kinh doanh./.